

## NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
Kiến trúc cảnh quan trình độ đại học của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

### HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 536/QĐ-KĐCLGDTL ngày 06/9/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Kiến trúc cảnh quan trình độ đại học của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 17 ngày 15/02/2025.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Kiến trúc cảnh quan trình độ đại học của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Kiến trúc cảnh quan trình độ đại học của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Kiến trúc cảnh quan trình độ đại học của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 44 tiêu chí (chiếm 88%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 2.** Kiến nghị Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Kiến trúc cảnh quan trình độ đại học (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 3.** Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo Kiến trúc cảnh quan trình độ đại học cho Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội theo quy định hiện hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Đường**

Phụ lục I

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
KIẾN TRÚC CẢNH QUAN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐKĐCLGD ngày 24/02/2025  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)



Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b>Tiêu chuẩn 1</b>				
Tiêu chí 1.1	4	3,67	2	66,67
Tiêu chí 1.2	3			
Tiêu chí 1.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 2</b>				
Tiêu chí 2.1	4	3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.2	3			
Tiêu chí 2.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 3</b>				
Tiêu chí 3.1	4	3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 4</b>				
Tiêu chí 4.1	4	4,00	3	100
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
<b>Tiêu chuẩn 5</b>				
Tiêu chí 5.1	4	3,80	4	80
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 6</b>				
Tiêu chí 6.1	4	3,86	6	85,71
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	3			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	4			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b>Tiêu chuẩn 7</b>				
Tiêu chí 7.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 8</b>				
Tiêu chí 8.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 8.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 9</b>				
Tiêu chí 9.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
<b>Tiêu chuẩn 10</b>				
Tiêu chí 10.1	4	3,83	5	83,33
Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	3			
<b>Tiêu chuẩn 11</b>				
Tiêu chí 11.1	4	4,20	5	100
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	5			
Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,90	44	88

**Phụ lục II**  
**KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**KIẾN TRÚC CẢNH QUAN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐKĐCLGD ngày 24/02/2025*  
*của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

## I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) Kiến trúc cảnh quan trình độ đại học của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, giai đoạn 2019 - 2023 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của Giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xây dựng theo hướng tiếp cận CDIO, thể hiện được mối liên kết với mục tiêu đào tạo, có các yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm mà người học cần đạt được. Chuẩn đầu ra của CTĐT có sự tham gia ý kiến của các bên liên quan bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT; được rà soát, điều chỉnh và công bố trên trang thông tin điện tử của Trường, trang tin chỉ của người học.

2. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ thông tin, được định kỳ điều chỉnh nội dung theo kế hoạch của Trường và dựa trên kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan; được cập nhật những nội dung mới nhất phù hợp theo xu hướng đào tạo và nghiên cứu của Trường. Đề cương học phần được biên soạn theo mẫu thống nhất, có thông tin cơ bản theo quy định của Trường, thể hiện được mối liên kết giữa chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT, được rà soát, điều chỉnh. Bản mô tả CTĐT được công bố trong các tài liệu tuyển sinh, tài liệu sinh hoạt công dân đầu khoá của người học, trang thông tin điện tử của Trường. Các bên liên quan như người học, cựu người học, giảng viên, nhà tuyển dụng, cơ quan quản lý có thể tiếp cận Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần dễ dàng và thuận tiện.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các chuẩn đầu ra của CTĐT thông qua ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT. Chương trình dạy học có cấu trúc rõ ràng, trình tự logic thể hiện được sự kết nối giữa khối kiến thức giáo dục đại cương và chuyên nghiệp; được điều chỉnh, cập nhật dựa trên chuẩn đầu ra bao gồm các thành phần về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, có các tổ hợp phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá được xác định. Các học phần trong chương trình dạy học được bố trí theo trình tự hợp lý trong các học kỳ.

4. Triết lý giáo dục của Trường được tuyên bố rõ ràng; được phổ biến đến cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học của Trường thực hiện thông qua các hoạt động xây dựng CTĐT, tổ chức các hoạt động dạy học, các phong trào đoàn thể; được truyền tải và phổ biến đến các bên liên quan thông qua nhiều hình thức. Phương pháp dạy học được xây dựng hướng đến việc đạt được chuẩn đầu ra. Người học được hướng dẫn sử dụng các hoạt động học tập tích cực thông qua các

hướng dẫn trong đề cương chi tiết của các học phần, hướng dẫn của giảng viên. Giảng viên, người học và cựu người học hài lòng với các phương pháp dạy và học. Đề cương học phần có mô tả các hoạt động giúp người học nâng cao kỹ năng thiết yếu và kỹ năng mềm, rèn luyện kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học.

5. Hệ thống các văn bản hướng dẫn đánh giá kết quả học tập của người học quy định rõ thời gian, hình thức, các bước thực hiện, phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá và việc khiếu nại của người học. Phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập đa dạng, có ngân hàng đề thi, có đánh giá quá trình học của người học, hướng đến việc đo lường chuẩn đầu ra. Công tác tổ chức thi đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan, đúng quy định và hướng dẫn của Trường.

6. Đội ngũ giảng viên được quy hoạch phát triển dựa trên Chiến lược phát triển Trường theo từng giai đoạn và Đề án vị trí việc làm đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được quy định rõ ràng. Tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá năng lực giảng viên được xác định và phổ biến công khai. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên được xây dựng, thực hiện, giám sát và đánh giá. Kết quả công việc của giảng viên được quản trị theo quy định và các văn bản và hướng dẫn của Trường. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác định, được theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện.

7. Chính sách thu hút, tuyển dụng và phát triển đội ngũ nhân viên được quy định rõ ràng trong Quy chế chi tiêu nội bộ, các thông báo tuyển dụng của Nhà trường. Đội ngũ nhân viên đang làm việc tại các đơn vị chức năng của nhà trường có trình độ phù hợp với yêu cầu công việc. Các tiêu chí tuyển chọn về năng lực của đội ngũ nhân viên Nhà trường xác định cụ thể, được phổ biến công khai bằng các hình thức khác nhau. Quy định về đánh giá, phân loại chất lượng viên chức và người lao động được rà soát, cập nhật phù hợp với thực tiễn. Hằng năm, việc đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên được thực hiện theo trình tự và các tiêu chí đề ra trong quy định. Việc đào tạo, phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được thực hiện hàng năm dựa trên nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của các đơn vị. Quá trình xây dựng, rà soát cập nhật các quy chế, quy định về đánh giá, phân loại; thi đua khen thưởng; đào tạo bồi dưỡng... đều có sự tham gia, góp ý của cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Nhà trường. Việc đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc được triển khai hàng tháng, làm cơ sở để đánh giá phân loại kết quả viên chức, người lao động và thi đua khen thưởng hàng năm. Đội ngũ nhân viên được đánh giá có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

8. Chính sách và quy định tuyển sinh được xác định rõ ràng trong Đề án tuyển sinh và công bố công khai trên Website của trường, ngày hội tư vấn tuyển sinh và một số nền tảng mạng xã hội. Phương thức tuyển sinh được cập nhật hằng năm để phù hợp với chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như nhu cầu thực tiễn. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng; được

rà soát, đánh giá. Hệ thống giám sát sự tiến bộ học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được thiết lập, có đầy đủ quy chế, quy định và quy trình giám sát, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên; cơ sở dữ liệu đánh giá được lưu trữ, phân tích thông qua phần mềm quản lý ESSoft. Các hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa và dịch vụ hỗ trợ khác đã được triển khai. Môi trường tâm lý, xã hội và môi trường làm việc thân thiện, thoải mái. Khuôn viên sạch sẽ, trang thiết bị trong giảng đường, phòng học, hội trường, phòng họp tương đối hiện đại, tiện nghi tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường.

9. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng được trang bị đầy đủ các trang thiết bị hỗ trợ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học; có thư viện với đủ các tiện ích để người học tự nghiên cứu, tự học và làm việc nhóm. Nguồn học liệu đa dạng với bản cứng và bản mềm được cập nhật hằng năm đủ phục vụ dạy học và nghiên cứu khoa học. Hệ thống phòng thí nghiệm, phòng thực hành được Nhà trường đầu tư trang thiết bị hỗ trợ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hệ thống công nghệ thông tin như máy tính, hạ tầng cho học trực tuyến và các phần mềm hỗ trợ cơ bản đáp ứng trong đào tạo, nghiên cứu khoa học. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, y tế học đường và an toàn, an ninh được xác định xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

10. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập có các quy định và công cụ thực hiện. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế, phát triển chương trình dạy học. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT, chương trình dạy học được xây dựng, rà soát, đánh giá và cải tiến. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện CTĐT có một số đề tài nghiên cứu khoa học có nội dung liên quan đến việc dạy và học; có nhiều bài báo được áp dụng/chuyển tải thành nội dung/chuyên đề giảng dạy trong chương trình dạy học. Hoạt động dạy, học của giảng viên và đánh giá kết quả học tập của người học; chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác được đánh giá, được cải tiến đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học.

11. Trong giai đoạn đánh giá, tỷ lệ sinh viên thôi học thấp (dao động từ 11.4% đến 18.2%), thời gian tốt nghiệp trung bình khá gần với thời gian thiết kế. Tỷ lệ phản hồi khảo sát việc làm (75% - 100%) và tỷ lệ có việc làm/số sinh viên phản hồi khảo sát (87.5% - 100%) đều ở mức khá cao. Tỷ lệ có việc làm trái ngành đào tạo khá thấp (6.6%). Tỷ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học đạt 7% và có xu hướng tăng.

## II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Rà soát, đánh giá mục tiêu của CTĐT theo yêu cầu của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT đảm bảo tính cập nhật và tạo sự đột phá cho mục tiêu của CTĐT; rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của CTĐT thể hiện mức năng lực rõ ràng để đảm bảo tính đo lường và đánh giá được; phân tích và đánh giá sự gắn kết chuẩn đầu ra của CTĐT với chuẩn đầu ra của Khung trình độ Quốc gia, đặc biệt là các chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm của người học; cải tiến nội dung và cách thức lấy ý kiến về chuẩn đầu ra của CTĐT; tăng cường việc giải thích để người học hiểu rõ hệ thống chuẩn đầu ra và cần khảo sát mức độ hiểu chuẩn đầu ra của người học, để người học có thể tích cực, chủ động hơn nữa trong quá trình học tập hướng đến việc đạt chuẩn đầu ra.

2. Rà soát, hiệu chỉnh bản mô tả CTĐT, đảm bảo sự phù hợp của ma trận xác định mức độ đóng góp của các học phần đến chuẩn đầu ra của CTĐT; cập nhật các đề cương học phần với đầy đủ thông tin về hoạt động tự nghiên cứu, tự học của người học, giảng viên phụ trách giảng dạy học phần; đảm bảo các đề cương học phần có sự liên kết giữa nội dung các chương/mục và quá trình giảng dạy đến các chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm, phương pháp/chiến lược dạy - học tiếp cận các phương pháp dạy học hiện đại; rà soát để cập nhật mới tài liệu dạy học, giúp cho người học tiếp cận những kiến thức, tiêu chuẩn mới liên quan đến học phần trong CTĐT; đa dạng hoá truyền thông và hướng dẫn sử dụng Bản mô tả CTĐT cho các bên liên quan; đánh giá khả năng tiếp cận, mức độ sử dụng Bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần phục vụ cho công tác đào tạo và các công việc liên quan.

3. Thiết kế đa dạng các phương pháp dạy học trong các học phần cùng với việc tiếp cận các phương pháp dạy học hiện đại; hoàn thiện các rubrics dựa trên các quy định, tiêu chí rõ ràng; rà soát ma trận phân nhiệm các học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT cùng mức đáp ứng chuẩn đầu ra; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và thực hiện việc theo dõi, đánh giá để khẳng định sự phù hợp và khả năng hỗ trợ lẫn nhau giữa các phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra; khảo sát ý kiến của các nhà tuyển dụng về mức độ đóng góp của từng học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT; chú trọng đối sánh với CTĐT ngành Kiến trúc cảnh quan của các trường quốc tế.

4. Đánh giá đầy đủ mức độ phù hợp của Triết lý giáo dục và việc vận dụng Triết lý giáo dục vào quá trình thiết kế, triển khai các hoạt động dạy - học; hướng dẫn lựa chọn các phương pháp dạy học và thiết kế hoạt động dạy - học phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT; tăng cường việc tổ chức tập huấn giảng viên về công tác triển khai các hoạt động dạy - học theo các phương pháp dạy học; hướng dẫn chi tiết nội dung tự nghiên cứu/tự học trong các đề cương học phần; khai thác hiệu quả hệ thống đào tạo trực tuyến LMS để tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ người học trong học tập và nghiên cứu khoa học, rèn luyện năng lực tự học suốt đời.

5. Biên soạn tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá để áp dụng đồng bộ và chuẩn hoá việc đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra theo trình độ năng lực phù hợp với các lĩnh vực chuẩn đầu ra; hoàn thiện các quy định về tiêu chí đánh giá, rubric tương ứng với các chuẩn đầu ra của học

phần; thực hiện đánh giá sự tương thích giữa phương pháp kiểm tra đánh giá với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT, đảm bảo có các tiêu chí đánh giá rõ ràng, có độ tin cậy và tính công bằng, sử dụng ma trận đề thi trong việc thiết kế đề thi và đáp án phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần; thống kê, phân tích định lượng mức độ khó, dễ của các đề thi kết thúc học phần, phân tích phổ điểm thi để đối chiếu với điểm quá trình và điểm giữa các khóa người học để có hướng điều chỉnh thích hợp. Các câu hỏi trong đề thi của từng học phần cần gắn với việc đóng góp chuẩn đầu ra cụ thể nào của học phần và đảm bảo sự phù hợp với mức đáp ứng chuẩn đầu ra đã thiết kế; công bố đáp án đề thi; phát triển một cách hệ thống các công cụ theo dõi, giám sát chung về việc khiếu nại kết quả học tập, phúc khảo điểm thi của người học.

6. Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên đáp ứng sự phát triển của Khoa/ngành trong từng giai đoạn cụ thể; có chính sách thu hút đội ngũ giảng viên có trình độ cao, tạo điều kiện cho các giảng viên đạt chuẩn PGS, đảm bảo tương xứng với vị thế của ngành; bổ sung công cụ hỗ trợ công tác quản lý, đánh giá giảng viên; tăng cường hoạt động đào tạo bồi dưỡng theo hướng chuyên sâu về phát triển CTĐT; có biện pháp hỗ trợ để phát huy năng lực nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên.

7. Xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ nhân viên tương ứng với sự phát triển về quy mô đào tạo; xác định hệ số hợp lý đối với vị trí thư ký khoa, trợ lý đào tạo và trợ lý sinh viên, theo quy mô người học; xây dựng bộ tiêu chí có tính định lượng, dễ đo lường để đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên; rà soát nội dung các phiếu khảo sát để thu thập được các thông tin phản hồi về mức độ đáp ứng, mức độ hài lòng về đội ngũ hỗ trợ theo từng vị trí việc làm; phân tích, đánh giá kết quả khảo sát làm cơ sở để cải tiến chất lượng các hoạt động hỗ trợ; xây dựng kế hoạch chi tiết về bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo yêu cầu đặc thù của từng vị trí việc làm cho đội ngũ nhân viên và triển khai thực hiện kế hoạch; tổ chức các khóa tập huấn về chuyên môn sâu cho đội ngũ nhân viên, đảm bảo đáp ứng được các nhiệm vụ hỗ trợ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; quy định biểu mẫu kế hoạch công tác cá nhân và ban hành quy định/hướng dẫn về việc xây dựng kế hoạch công tác hàng năm thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết, đăng ký đào tạo, bồi dưỡng; có các KPIs rõ ràng để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được khách quan; thông báo kết quả xếp loại và bình xét thi đua hàng năm đảm bảo nhận được sự phản hồi từ đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Nhà trường để tạo sự khách quan, công bằng trong công tác thi đua khen thưởng.

8. Tổ chức dự báo nhu cầu nhân lực làm cơ sở đề xuất điều chỉnh chính sách và quy định tuyển sinh; đánh giá phương pháp tuyển sinh phân tích hiệu quả, ưu, nhược điểm của từng phương pháp tuyển sinh; phân tích thông tin phản hồi từ các bên liên quan và đề xuất điều chỉnh; rà soát, nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo, tăng tốc độ xử lý dữ liệu, tăng khả năng dự báo, cảnh báo học vụ đối với sinh viên; đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động tư vấn học tập và hỗ trợ việc làm; khảo sát ý kiến người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và



cảnh quan, phân tích dữ liệu thống kê theo Khoa, Ngành đào tạo.

9. Rà soát các phòng học, kiểm tra hệ thống trang thiết bị như điều hòa, máy chiếu để bổ sung mới để tạo môi trường học tập hiệu quả; nâng cấp phần mềm quản lý thư viện, phần mềm quản lý thư viện số; rà soát giáo trình và tài liệu dạy học theo CTĐT để lên kế hoạch biên soạn, thẩm định và ban hành theo quy định của Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT ngày 06/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nâng cấp trang thiết bị cho các phòng thực hành, máy tính, phần mềm hỗ trợ cho đào tạo và nghiên cứu đáp ứng với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường. Rà soát phiếu khảo sát sự hài lòng các bên liên quan về mức độ đáp ứng của phòng thực hành; đánh giá mức độ đáp ứng của hệ thống wifi trong toàn trường để có giải pháp nâng cấp tốc độ đường truyền; phân tích sâu kết quả khảo sát của các bên liên quan để đưa ra những giải pháp nâng cao chất lượng của hệ thống công nghệ thông tin; ban hành văn bản của Trường về quy định về môi trường, sức khỏe và an toàn; khảo sát đa dạng các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

10. Rà soát quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT, chương trình dạy học; chú trọng thu thập yêu cầu năng lực các vị trí việc làm của bên sử dụng lao động và cựu sinh viên làm cơ sở rà soát, điều chỉnh CTĐT, chương trình dạy học; cập nhật quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT, chương trình dạy học của Trường phù hợp với quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; bổ sung hoạt động rà soát quy trình thiết kế, phát triển CTĐT/chương trình dạy học và thể hiện đồng bộ trong kế hoạch rà soát CTĐT, chương trình dạy học; khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan đánh giá quá trình dạy, học và đánh giá kết quả học tập của giảng viên đối với người học cho từng CTĐT, nâng cao hiệu quả, chất lượng cải tiến CTĐT; khuyến khích giảng viên, người học tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học về phát triển CTĐT, chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập; điều chỉnh nội dung phiếu khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan; bổ sung các tiêu chí phù hợp cho hoạt động đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác; đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan, xây dựng môi trường kết nối nhằm trao đổi thường xuyên, liên tục, chia sẻ kịp thời thông tin phản hồi của các bên liên quan nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

11. Nâng cao chất lượng việc phân tích, đánh giá, đối sánh tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp, làm cơ sở cho các giải pháp hiệu quả tiếp tục giảm tỉ lệ sinh viên thôi học và tăng tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng và trước hạn; chú trọng khảo sát vị trí việc làm của những sinh viên tốt nghiệp có việc làm chỉ liên quan đến ngành đào tạo; nâng cao năng lực lập nghiệp cho sinh viên khi thiết kế CTĐT của ngành; tiếp tục tăng tỉ lệ sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học; đa dạng hoá loại hình nghiên cứu khoa học của sinh viên gắn với việc giảng dạy các môn học; tổ chức cho sinh viên công bố các kết quả nghiên cứu trên ISSN và ISBN và tham gia các giải thưởng nghiên cứu khoa học sáng tạo ngoài trường. Phân tích đầy đủ kết quả đối sánh với các CTĐT tương đương trong và ngoài nước; nâng cấp Bộ câu hỏi

khảo sát bám sát yêu cầu đổi mới CTĐT, phân tích tương quan giữa kết quả khảo sát các bên liên quan khác nhau để tăng tính khách quan và thiết thực hỗ trợ việc phát triển CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Kiến trúc cảnh quan, trình độ đại học của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành.